

Số: 114 /TB-TTYT

Vân Đồn, ngày 02 tháng 10 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Về việc đăng tải thông tin nhu cầu mua sắm trang thiết bị y tế cho các
Trạm Y tế xã trực thuộc Trung tâm Y tế huyện Vân Đồn năm 2023 (Lần 2)**

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT - BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-SYT ngày 27/7/2023 của Sở Y tế Quảng Ninh về việc giao dự toán kinh phí tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị nâng cao năng lực cơ sở y tế cho các đơn vị trực thuộc Sở y tế năm 2023 (giai đoạn 2) đợt 2;

Trung tâm Y tế huyện Vân Đồn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm Trang thiết bị y tế phục vụ cho các Trạm Y tế xã trực thuộc Trung tâm Y tế huyện Vân Đồn năm 2023 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Vân Đồn

Địa chỉ: Thôn 12, xã Hạ Long, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ông Nghiêm Việt Dũng, chức vụ: Nhân viên khoa Dược-TTB-VTYT

SĐT: 0913388295

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Địa chỉ tiếp nhận: Bản báo giá gửi bản mềm và bản scan về địa chỉ email:
khoaduoc@trungtamytevandon.vn

Đồng thời văn bản giấy được ký, đóng dấu hợp pháp và gửi qua đường công văn về địa chỉ: Khoa Dược-TTB-VTTYT, thôn 12, xã Hạ Long, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: **Từ ngày 03 tháng 10 năm 2023 đến trước 16h30 ngày 13 tháng 10 năm 2023.**

Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 03 tháng 10 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế: chi tiết tại phụ lục 1

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Tại các Trạm Y tế xã, Thị trấn trực thuộc TTTYT huyện Vân Đồn

3. Bảng thông tin chi tiết hàng hóa: theo mẫu tại phụ lục 2 kèm theo

Rất mong sự hợp tác của Quý công ty, đơn vị.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Trang TTĐT TTTYT;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Huy Tiên

PHỤ LỤC 01 : DANH MỤC THIẾT BỊ

(Kèm theo Thông báo số :114 /TB-TTYT ngày 02/10/2023 của TTYT Huyện Vân Đồn)

STT	Tên và cấu hình trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	MÁY DOPPLER TIM THAI A. Yêu cầu chung <ul style="list-style-type: none">- Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau. Mới 100%- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương- Nguồn điện cung cấp: 220V ± 10%, 50Hz- Môi trường hoạt động của thiết bị:<ul style="list-style-type: none">+ Nhiệt độ môi trường hoạt động: ≥ 25°C+ Độ ẩm môi trường hoạt động: ≥ 75% B. Cấu hình yêu cầu <ul style="list-style-type: none">- Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 chiếc- Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ C. Chỉ tiêu kỹ thuật <ul style="list-style-type: none">- Màn hình hiển thị nhịp tim thai (FHR) thời gian thực- Đầu dò 2MHz cho khả năng thâm nhập sâu cho thai kỳ và bệnh nhân lớn hơn- Đầu dò 3MHz phát hiện nhịp tim của thai nhi sớm nhất ≤ 10 tuần- Đầu dò 4/5/8 MHz để phát hiện lưu lượng máu.- Hiệu suất:<ul style="list-style-type: none">+ Dải đo nhịp tim: ≤ 50 – ≥ 210 nhịp/phút+ Độ nhạy: ≤ 10 tuần tuổi (3MHz)+ Độ phân giải: ≤ 1 nhịp/ phút+ Độ chính xác: ≤ ± 3 nhịp/ phút- Màn hình hiển thị: màn hình LED hoặc LCD hoặc tương đương- Tự động tắt máy: Sau 1 phút không có tín hiệu hoặc không hoạt động máy sẽ tự động tắt máy	Máy	10
2	BỘ DỤNG CỤ TIÊU PHẪU A. Yêu cầu chung	Bộ	03

	<ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương <p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kẹp phẫu thuật Pean (Rochester) hoặc tương đương, thẳng 16cm: 01 cái - Cán dao mổ số 4 Standard hoặc tương đương: 01 cái - Kẹp khăn phẫu thuật Backhaus hoặc tương đương, 9cm: 04 cái - Kẹp phẫu thuật Coller-Crile hoặc tương đương, thẳng 14cm: 02 cái - Kẹp phẫu thuật Coller-Crile hoặc tương đương, cong 14cm: 02 cái - Kẹp phẫu tích Narrow hoặc tương đương, 16cm: 01 cái - Kẹp phẫu tích Standard Slender hoặc tương đương, có răng 1x2T 16cm: 01 cái - Kẹp kim phẫu thuật Crile-Wood hoặc tương đương, 15cm: 01 cái - Kéo phẫu thuật Standard hoặc tương đương, Nhọn-tù thẳng 16.5cm: 01 cái - Kéo phẫu thuật Mayo hoặc tương đương, cong 17cm: 01 cái - Kẹp phẫu thuật Allis hoặc tương đương, 4x5T, 15cm: 02 cái - Hộp inox đựng dụng cụ 21 x 12 x 5 cm: 01 cái - Bát đựng cồn Ø 8 cm: 01 cái - khay quả đậu 250ml: 01 cái. <p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bằng vật liệu thép không gỉ hoặc tương đương - Dụng cụ có thể hấp sấy tiệt trùng được ở ≥ 134 độ C <p>Sai số kích thước cho phép $\leq \pm 10\%$.</p>		
3	<p>CÂN SỨC KHỎE CÓ THƯỚC ĐO CHIỀU CAO</p> <p>A. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua 	Bộ	03

	<p>sử dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001 hoặc tương đương - Môi trường hoạt động của thiết bị: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ môi trường hoạt động: $\geq 25^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm môi trường hoạt động: $\geq 75\%$ <p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cân sức khỏe và phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo: 01 bộ - Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ <p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông số cân nặng + Loại cân: cân để sàn + Trọng lượng đo: $\geq 160\text{ kg}$ + Độ chính xác: $\leq \pm 0.5\text{kg}$ - Thông số đo chiều cao + Dải đo chiều cao: từ ≤ 60 đến $\geq 200\text{ cm}$ + Sai số tối thiểu: $\leq 0.5\text{ cm}$ <p>Độ chính xác: $\leq \pm 0.5\text{cm}$.</p>		
4	<p>MÁY KHÍ DUNG</p> <p>A. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Nguồn điện sử dụng: $220\text{V} \pm 10\%$, 50Hz - Môi trường hoạt động của thiết bị: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ môi trường hoạt động: $\geq 25^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm môi trường hoạt động: $\geq 75\%$. <p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái - Bộ phun khí dung: 01 bộ - Mask thở cho người lớn: 01 cái - Mask thở cho trẻ em: 01 cái - Ống thông mũi (không xâm lấn): 01 cái - Ống ngậm miệng: 01 cái - Ống dẫn khí: 01 cái - Bộ lọc khí: 01 cái - Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ <p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p>	Chiếc	03

	<ul style="list-style-type: none"> - Máy nén: Bơm pittông không dầu hoặc tương đương - Áp suất dòng khí thổi tối đa: ≥ 3.0 bar - Áp suất hoạt động: ≥ 0.95 bar - Tốc độ phun dẫn khí tối đa: ≥ 16 lít/phút - Tốc độ khí hoạt động: $\geq 8,0$ lít/phút - Mức độ ồn: Khoảng 60 dBA - Tốc độ phun tối thiểu với 2ml dung dịch: 0.40 ml, 0.60 ml, 0.70 ml, 0.80ml hoặc hơn - Kích thước hạt phun (MMAD) theo tuân theo tiêu chuẩn EN 13544-1: 3,32 μm; 4,07 μm; 4,13 μm; 4,18 μm hoặc hơn. <p>Chu trình hoạt động: Liên tục.</p>		
5	<p>BÀN KHÁM PHỤ KHOA</p> <p>A. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương <p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bàn khám sản khoa: 01 cái - Khay đựng chất thải: 01 cái - Đệm: 01 cái - Giá đỡ chân: 02 cái <p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Inox SUS 304 hoặc tương đương - Kích thước (Dài x Rộng x Cao): (1400 x 650 x 750) mm $\pm 10\%$ - Khung chính của bàn được làm bằng Inox hộp (25 x 25) mm $\pm 10\%$, dày ≥ 1.0 mm. - Khung đầu nâng và đỡ thân bàn bằng Inox hộp (20 x 40) mm $\pm 10\%$, dày ≥ 1.0 mm. - Các thanh rỗng kết cấu lắp tháo rời bằng Inox thanh hộp (25 x 25) mm $\pm 10\%$, dày ≥ 1.0 mm liên kết với nhau bằng các bulong. - Góc nâng đầu thay đổi từ 0° đến $\geq 70^\circ$, thanh chống phân lưng bằng Inox hoặc tương đương, đặc $\varnothing 14$ mm $\pm 10\%$, chịu tải trọng $\geq 100\text{kg}$. - Đệm mút PE hoặc tương đương dày ≥ 50 mm, bọc giả da chống thấm nước, bên 	Cái	04

	<p>trong lót cốt gỗ dày ≥ 10 mm bắt vít với khung mặt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thanh đỡ đùi bằng Inox hoặc tương đương - Tải trọng của bàn: ≥ 150 kg - Bọc lên xuống bằng Inox hoặc tương đương. - Có khay đựng chất thải bằng Inox hoặc tương đương <p>Chân gắn đế cao su.</p>		
6	<p>BÀN KHÁM SẢN KHOA</p> <p>A. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương <p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bàn khám sản khoa: 01 cái - Khay đựng chất thải: 01 cái - Đệm: 01 cái - Giá đỡ chân: 02 cái <p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Inox SUS 304 hoặc tương đương - Kích thước (Dài x Rộng x Cao): (1400 x 650 x 750) mm $\pm 10\%$ - Khung chính của bàn được làm bằng Inox hộp (25 x 25) mm $\pm 10\%$, dày ≥ 1.0 mm. - Khung đầu nâng và đỡ thân bàn bằng Inox hộp (20 x 40) mm $\pm 10\%$, dày ≥ 1.0 mm. - Các thanh rãnh kết cấu lắp tháo rời bằng Inox thanh hộp (25 x 25) mm $\pm 10\%$, dày ≥ 1.0 mm, liên kết với nhau bằng các bulong. - Góc nâng đầu thay đổi từ 0° đến $\geq 70^\circ$, thanh chống phần lưng bằng Inox hoặc tương đương, đặc $\varnothing 14$ mm $\pm 10\%$, chịu tải trọng ≥ 100kg. - Đệm mút PE hoặc tương đương dày ≥ 50 mm, bọc giả da chống thấm nước, bên trong lót cốt gỗ dày ≥ 10 mm bắt vít với khung mặt. - Thanh đỡ đùi bằng Inox hoặc tương đương - Tải trọng của bàn: ≥ 150 kg 	Cái	01

	<ul style="list-style-type: none"> - Bục lên xuống bằng Inox hoặc tương đương. - Có khay đựng chất thải bằng Inox hoặc tương đương <p>Chân gắn đế cao su.</p>		
7	<p>BÀN ĐỂ VÀ LÀM THỦ THUẬT</p> <p>A. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương <p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bàn để: 01 cái - Khay đựng chất thải: 01 cái - Đệm: 01 cái - Giá đỡ chân: 02 cái - Bục lên bàn để: 01 cái <p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bàn để bao gồm tối thiểu khung bàn với phần tựa lưng, tựa hông, tựa chân; khay đựng nước thải; giá đỡ chân và bục lên bàn để. - Vật liệu chế tạo các thành phần trên ngoài trừ giá đỡ chân: Bằng thép không gỉ Inox SUS 304 hoặc tương đương - Kích thước tổng thể (DàiRộngxCao): (1950 x 750 x 920) mm \pm 10% + Chiều cao từ sàn đến mặt bàn: 750 mm \pm 10% + Kích thước tấm tựa lưng (DàiRộng): (800 x 650) mm \pm 10% + Kích thước tấm tựa hông (DàiRộng): (400 x 660) mm \pm 10% + Kích thước tấm tựa chân (DàiRộng): (650 x 650) mm \pm 10% - Khung bàn được làm từ ống thép không gỉ hoặc tương đương có đường kính $\geq \varnothing 25$ mm, dày $\geq 1,2$ mm - Phần tựa lưng, tựa hông và tựa chân: được làm từ thép tấm không gỉ hoặc tương đương có độ dày ≥ 1mm 	Cái	01

	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể điều chỉnh góc nghiêng phần tựa lưng từ 0 đến $\geq 60^\circ$ bằng cơ chế thanh răng - Tựa chân: <ul style="list-style-type: none"> + Có thể di chuyển ra-vào trên các bánh xe trong khoảng ≥ 650 mm. Bánh xe có đường kính $\varnothing 125$ mm $\pm 10\%$, với khoá hãm + Có thể di chuyển lên-xuống bằng cơ cấu rãnh trượt với chiều cao khoảng ≤ 650 mm đến ≥ 750 mm tính từ sàn - Bục lên bàn để: <ul style="list-style-type: none"> + Kích thước tổng thể (Dài x Rộng x Cao): (450 x 400 x 350) mm $\pm 10\%$ + Có ≥ 02 bậc, mặt bậc có khả năng chống trượt, làm từ thép tấm không gỉ hoặc tương đương, độ dày ≥ 1 mm + Kích thước bậc (Dài x Rộng): (450 x 190) mm $\pm 10\%$ + Khung được làm từ ống thép không gỉ hoặc tương đương, có đường kính $\geq \varnothing 25$ mm, dày $\geq 1,0$ mm - Chân bàn và chân bục lên bàn để có đế bằng cao su dày ≥ 5 mm - Đệm: <ul style="list-style-type: none"> + Bao gồm 03 phần (phần tựa lưng, phần tựa hông và tựa chân) + Độ dày ≥ 50 mm + Được làm bằng mút, được bọc vải giả da hoặc tương đương, không thấm nước và bền với các chất tẩy rửa - Giá đỡ chân: Có thể điều chỉnh xoay theo các hướng, thay đổi chiều cao và có thể tháo rời và được làm bằng thép không gỉ Inox 304 hoặc tương đương - khay đựng chất lỏng có kích thước (Dài x Rộng x Cao): (350 x 320 x 150) mm $\pm 10\%$. 		
8	<p>XE TIÊM</p> <p>A. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc 	Cái	01

	<p>tương đương</p> <p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xe tiêm: 01 cái - Xô đựng chất thải: 02 cái. <p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước (Dài x rộng x cao): (770 x 470 x 900) mm ± 10%. - Kích thước mặt khay (Dài x rộng x sâu): (730 x 470 x 20) mm ± 10%. - Vật liệu: Inox SUS 304 hoặc tương đương - Khung xe: Inox ống $\geq \varnothing 22.2$ mm - Mặt các tầng khay: Inox 304 hoặc tương đương tấm dày ≥ 0.5 mm. - Thanh giằng lan can: Inox 304 hoặc tương đương ống đường kính $\geq \varnothing 14$mm x 10mm. - Xe có 4 bánh, ≥ 2 bánh có phanh hãm. <p>Có giá để xô đựng chất thải.</p>		
9	<p>BỘ DỤNG CỤ ĐẶT VÒNG TRÁNH THAI</p> <p>A. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương <p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kẹp bông Bozemann hoặc tương đương, cong S 26cm: 02 cái - Van âm đạo Kristeller hoặc tương đương, 70*27mm, số 1: 01 cái - Van âm đạo Kristeller hoặc tương đương, 90*36mm, số 3: 01 cái - Kẹp cổ tử cung Pozzi hoặc tương đương, 25cm: 01 cái - Kẹp phẫu thuật Kocher (Ochsner) hoặc tương đương, thẳng 20cm: 01 cái - Thước đo cổ tử cung Sims cứng hoặc tương đương, 32cm: 01 cái - Kéo phẫu thuật Nhọn-tù cong 16.5cm: 01 cái - Hộp Inox đựng dụng cụ 35 x 10 x 5 cm: 01 cái - Bát đựng còn 5x7 cm: 01 cái. 	Bộ	03

	<p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bằng vật liệu thép không gỉ hoặc tương đương - Dụng cụ có thể hấp sấy tiệt trùng được ở 134 độ C <p>Sai số kích thước cho phép $\leq \pm 10\%$</p>		
10	<p>XE ĐẨY CẤP PHÁT THUỐC VÀ DỤNG CỤ</p> <p>A. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương <p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xe tiêm: 01 cái - Xô đựng chất thải: 02 cái. <p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước (Dài x rộng x cao): (770 x 470 x 900) mm $\pm 10\%$ - Kích thước mặt khay (Dài x rộng x sâu): (730 x 470 x 20) mm $\pm 10\%$ - Vật liệu: Inox SUS 304 hoặc tương đương - Khung xe: Inox ống $\geq \varnothing 22$ mm - Mặt các tầng khay: Inox 304 hoặc tương đương tấm dày ≥ 0.5 mm. - Thanh giằng lan can: Inox 304 hoặc tương đương ống đường kính $\geq \varnothing 14$mm x 10mm. - Xe có 4 bánh, ≥ 2 bánh có phanh hãm. <p>Có giá để xô đựng chất thải.</p>	Cái	07
11	<p>BÀN TIỂU PHẪU</p> <p>A. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương <p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bàn tiểu phẫu: 01 cái - Nệm dày ≥ 50 mm: 01 cái. <p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Inox SUS 304 hoặc tương đương 	Cái	06

	<ul style="list-style-type: none"> - Khung bàn làm bằng Inox hộp hoặc tương đương kích thước (30x30) mm ± 10% - Mặt bàn làm bằng Inox tấm hoặc tương đương - Chân bàn làm bằng Inox hộp hoặc tương đương kích thước (30x30) mm ± 10%, liên kết với nhau bằng các thanh giằng, chân bịt cao su chống rung, chống trơn trượt. - Kích thước (Dài x rộng x cao): (1900 x 660 x 800) mm ± 10% - Mặt bàn gồm 3 phần: phần đầu, phần lưng và phần chân. - Phần đầu và phần chân có thể điều chỉnh nâng hạ được bằng thanh răng chống, góc nâng phần đầu có thể điều chỉnh từ 0⁰ đến ≥ 45⁰, góc nâng phần chân có thể điều chỉnh từ 0 đến ≥ 30⁰. <p>Có đệm mút giả da dày ≥ 50mm, có các quai dính gắn đệm với mặt bàn.</p>		
12	<p>BÀN KHÁM BỆNH</p> <p>A. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương <p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bàn khám: 01 cái - Đệm: 01 cái <p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bàn khám bệnh được làm bằng chất liệu Inox SUS 304 hoặc tương đương - Kích thước bàn (dài x rộng x cao): 1900 mm x 660 mm x 700 mm ± 10% - Cấu tạo của sản phẩm được chia ra làm 2 phần: + Mặt bàn được làm bằng Inox tấm dày ≥ 1 mm. + Khung bàn được làm bằng Inox hộp (40 x 20) mm ± 10% + Chân bàn được làm bằng Inox ống Ø32 mm ± 10%, có nút cao su cố định bàn. 	Cái	05

	<ul style="list-style-type: none"> - Bàn có khả năng nâng đầu lên từ 0 - $\geq 45^{\circ}$ bằng thanh răng và thanh chống. - Mặt bàn và khung bàn được hàn liên kết với nhau bằng những mối hàn kín liền, có giằng chân kiểu chữ I giúp đảm bảo sự chắc chắn khi sử dụng. <p>Nệm: Nệm dày ≥ 50 mm, làm bằng chất liệu mút polyurethane hoặc tương đương, vỏ bọc bằng vải simili chống thấm nước hoặc tương đương.</p>		
13	<p>NỒI HẤP TIỆT TRÙNG</p> <p>A. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua sử dụng ▪ Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau ▪ Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương ▪ Nguồn điện cung cấp: 220V \pm 10%, 50Hz ▪ Môi trường hoạt động của thiết bị: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ môi trường hoạt động: $\geq 25^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm môi trường hoạt động: $\geq 75\%$ <p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Máy chính: 1 bộ + Bộ trao đổi nhiệt tích hợp: 01 bộ ▪ Phụ kiện tiêu chuẩn khác ▪ Rọ đựng vật hấp, bằng Inox SUS304 có quai xách: 01 cái ▪ Dây cáp nguồn: 01 cái ▪ Dây nối đất: 02 m ▪ Hướng dẫn sử dụng và bảo quản: 1 quyển <p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thiết bị tiệt trùng bằng hơi nước bão hòa ở nhiệt độ cao để tiệt trùng các dụng cụ y tế ở dạng đóng gói và không đóng gói, tiệt trùng đồ vải, dụng cụ phẫu thuật, kim loại, dụng cụ xét nghiệm, làm ấm và phân dã môi trường nuôi cấy, sử dụng trong bệnh viện, phòng khám, viện nghiên cứu, phòng thí nghiệm,... ▪ Có các chương trình tiệt trùng được cài đặt sẵn các thông số phù hợp với các vật liệu khác nhau để thuận tiện cho người sử dụng lựa chọn. 	Chiếc	02

- Thiết bị có chương trình cho người sử dụng tự chọn các thông số nhiệt độ, thời gian tiệt trùng theo ý muốn.
- Bộ điều khiển vi xử lý với phần mềm cài đặt sẵn có độ chính xác cao, các thông số hiển thị và giao diện với người dùng bằng bàn phím cảm ứng và hiển thị trên màn hình cảm ứng LED hoặc tương đương.
- Áp suất hấp được chỉ thị trên đồng hồ áp suất có giải đo từ: từ $\leq -1\text{kg/cm}^2$ đến $\geq 5\text{ kg/cm}^2$
- Dải áp suất hấp tiệt trùng: 0 kgf/cm^2 đến $\geq 2,3\text{ kgf/cm}^2$
- Thiết bị hoạt động bằng điện
- Công suất lớn nhất: $\leq 2.000\text{ W}$
- Công suất sinh hơi: $\geq 3\text{ kg/giờ}$
- Buồng hấp
- Làm bằng thép không gỉ SUS 304 hoặc tương đương
- Kích thước: $\text{Ø}260\text{ mm} \times 470\text{ mm} \pm 10\%$
- Dung tích: $\geq 23\text{ lít}$
- Vỏ máy
- Kiểu hình khối chữ nhật.
- Mặt trên được làm bằng thép không gỉ SUS304 hoặc tương đương
- Vỏ máy và các chi tiết còn lại được chế tạo bằng thép phủ sơn tĩnh điện hoặc tương đương
- Khóa liên động
 - + Khóa cài ngang và liên động bằng trục vít khóa trung tâm, người sử dụng có thể dễ dàng khóa nắp chỉ với một cái gạt ngang và khóa liên động vô lăng trục vít. Nắp được khóa chắc chắn trong suốt quá trình vận hành và khi làm nguội về nhiệt độ an toàn
 - Nắp thiết bị
 - Đóng/mở ngang phía trên, bản lề có hệ thống giảm chấn và trợ lực bằng bi chịu lực đảm bảo đóng/mở rất nhẹ nhàng, vật liệu nắp nội làm bằng Inox SUS 304 hoặc tương đương

- Làm kín bằng gioăng cao su silicon chịu nhiệt có độ bền cao
- Khả năng kiểm soát sự kết hợp chính xác giữa Nhiệt độ và áp suất để tạo Hơi nước bão hòa.
- Xả nước sau khi chu trình tiệt trùng kết thúc: Đường ống xả được gắn liền trên máy có thể kết nối với đường xả thải thông thường.
- Có cơ chế làm ấm sau tiệt trùng và phân rã môi trường nuôi cấy cứng – rắn
- Nhiệt độ vận hành làm ấm từ: 40⁰C đến 60⁰C
- Nhiệt độ vận hành phân rã môi trường nuôi cấy từ: 40⁰C đến 99⁰C
- Chế độ hẹn giờ theo lịch: Có thể thiết lập thời gian bắt đầu vận hành theo ngày, giờ và phút.
- Bộ cảm biến nhiệt độ buồng tiệt trùng: Bộ cảm biến nhiệt độ tiêu chuẩn trong buồng tiệt trùng loại: RTD- PT100 hoặc tương đương để đo và theo dõi nhiệt độ thay đổi trong buồng tiệt trùng.
- Đồng thời để giảm thời gian đốt sau khi khởi động, nước trong buồng luôn được giữ ở mức gần sôi bằng phương pháp điều khiển PID hoặc tương đương.
- Áp lực nước cung cấp từ: (0,2 ÷ 10) kgf/cm²
- Chức năng cảnh báo và bảo vệ an toàn
- Van an toàn hoạt động ở áp suất: $\geq 2,7$ kgf/cm²
- Áp suất nước kiểm tra buồng tiệt trùng tối đa: $\geq 3,5$ kgf/cm²
- Bảo vệ quá nhiệt bằng kỹ thuật số có thể cài đặt từ: 45⁰C đến $\geq 140^0$ C và tự động xả van xả bảo đảm thiết bị và người sử dụng.
- Tự động báo lỗi sau ≤ 15 phút khi nguồn nước cung cấp không có hoặc không đủ trong chu trình cấp nước cho thiết bị.
- Tự động báo lỗi trên màn hình khi thiếu nước trong quá trình tiệt trùng

- Tự động báo lỗi khi cảm biến đo nhiệt độ bị lỗi và tự động dừng hoạt động
- Tự động báo lỗi trên màn hình khi thanh kháng đốt bị lỗi “hỏng” và tự động ngắt điện khỏi kháng đốt
- Có nút dừng khẩn cấp (trong trường hợp van tự động gặp lỗi, cần sự can thiệp của người sử dụng)
- Chống rò rỉ điện bằng Atomat chống giật
- Lưu trữ dữ liệu
- Lưu trữ các dữ liệu đã cài đặt
- Khả năng lưu trữ dữ liệu kể cả khi mất nguồn điện cung cấp
- Thông số kỹ thuật của bộ điều khiển trung tâm
- Bộ vi xử lý (MCU): $\geq 12\text{MHz}$
- Bộ nhớ Flash: $\geq 32\text{K}$
- Bộ nhớ SRAM: $\geq 1536\text{ byte}$
- EEPROM: $\geq 256\text{ byte}$
- Bộ đo tín hiệu nhiệt độ (ADC) ≥ 24 bit với độ chính xác rất cao
- Thiết bị được điều khiển tự động bằng bộ vi xử lý được cài đặt sẵn chương trình phần mềm, các thông số nhiệt độ, thời gian tiết trùng, thời gian sấy khô được hiển thị trên màn hình LED số phía trước trên thân thiết bị.
- Các chương trình tiết trùng được lựa chọn thông qua bàn phím cảm ứng chống nước cho phép người sử dụng lựa chọn và khởi động chu trình hoạt động của thiết bị.
- Chức năng hiển thị trên màn hình LED
- Khả năng vận hành dễ dàng thông qua trên màn hình LED hiển thị các thông số được cài đặt như: Nhiệt độ, thời gian tiết trùng, thời gian làm khô, chương trình lựa chọn, các tin báo lỗi tại mọi giai đoạn của quy trình vận hành.
- Hiển thị các biểu đồ mô tả chi tiết: Chu trình hấp hiển thị LED đơn và LED số
- Hiển thị các thông số tiết trùng, sấy khô và cảnh báo trên màn hình LED 7 số

- LED đơn hiển thị lịch theo tuần từ thứ hai đến chủ nhật.
- Màn hình LED số: Có 3 màn hình trong đó
- Màn hình led 1: Hiển thị đồng hồ thời gian thực
- Màn hình led 2: Hiển thị các thông số cài đặt và giá trị đo theo thời gian thực
- Hiển thị nhiệt độ tiết trùng cài đặt
- Hiển thị giá trị nhiệt độ thực trong khi thiết bị hoạt động.
- Hiển thị giá trị nhiệt độ bảo vệ cài đặt
- Màn hình led 3: Hiển thị các thông số cài đặt về thời gian
- Hiển thị thời tiết trùng cài đặt
- Hiển thị giá trị thời gian tiết trùng còn lại khi thiết bị đang hoạt động
- Hiển thị thời gian làm khô cài đặt
- Hiển thị giá trị thời gian làm khô còn lại khi thiết bị đang hoạt động
- Hiển thị giá trị thời gian cài đặt cho thiết bị hoạt động theo thời gian thực
- Các LED đơn hiển thị các chu trình hoạt động của từng chương trình cài đặt.
- Các giá trị và thông số hiển thị các giai đoạn của chu trình hấp: Cấp nước, đuổi khí, gia nhiệt, tiết trùng, xả, sấy khô, kết thúc bằng biểu đồ và ngôn ngữ. Báo hiệu bằng âm thanh khi kết thúc chu trình hấp.
- Hiển thị các cảnh báo
- Hiển thị ngôn ngữ bằng tiếng Việt Nam.
- **Các chương trình tiết trùng:**
- Có ≥ 10 chương trình tiêu chuẩn được cài đặt sẵn bằng các biểu tượng trên màn hình cảm ứng cho các loại vật liệu tiết trùng khác nhau như: Đồ vải, thủy tinh, kim loại, cao su, đồ nhựa, chế độ làm ấm, chế độ hòa tan và chương trình cho người sử dụng tự chọn).
- Chương trình làm ấm (Heating-Warming): nhiệt độ làm ấm cài đặt: 40 – 60°C, thời gian tiết trùng cài đặt 1 phút – 100 giờ

- Chương trình hoà tan (Heating-Warming): nhiệt độ làm ấm cài đặt: 40 – 99°C, thời gian tiệt trùng cài đặt 1 phút – 100 giờ
 - Chương trình tiệt trùng có chất lỏng trong vật chứa hở (Liquid Opened): Nhiệt độ tiệt trùng 121°C, thời gian tiệt trùng ≤ 15 phút.
 - Chương trình tiệt trùng có chất lỏng trong vật chứa đóng nắp (Liquid Closed): Nhiệt độ tiệt trùng 121°C, thời gian tiệt trùng ≤ 21 phút.
 - Chương trình tiệt trùng dụng cụ hở, găng tay, đồ nhựa: Nhiệt độ tiệt trùng 121°C, thời gian tiệt trùng ≤ 15 phút
 - Chương trình tiệt trùng dụng cụ đóng kín, găng tay, đồ nhựa chịu nhiệt: Nhiệt độ tiệt trùng 125°C, thời gian tiệt trùng ≤ 15 phút
 - Chương trình tiệt trùng đồ vải, quần áo chất liệu PE 100% (Polyeste) và dụng cụ Inox: Nhiệt độ tiệt trùng 121°C, thời gian tiệt trùng ≤ 21 phút.
 - Chương trình tiệt trùng đồ vải, quần áo chất liệu Cotton 35/65 (Tixi) và dụng cụ Inox: Nhiệt độ tiệt trùng 126°C, thời gian tiệt trùng ≤ 21 phút.
 - Chương trình tiệt trùng hạt truyền nhiễm Protein (Prion): Nhiệt độ tiệt trùng 134°C, thời gian tiệt trùng ≤ 18 phút.
 - Chương trình cài đặt theo yêu cầu của người sử dụng: có thể tùy ý lựa chọn các thông số sau:
 - ✓ Nhiệt độ tiệt trùng: điều chỉnh được từ 100°C - ≥ 136°C
 - ✓ Thời gian tiệt trùng: 0 phút - ≥ 9999 phút
 - Nhiệt độ bảo vệ bằng kỹ thuật số có thể cài đặt: 45°C - ≥ 140°C
 - Các thông số trong các chương trình cài đặt sẵn có thể được nhà sản xuất cài đặt thay đổi cho phù hợp với các loại vật hấp khác nhau:
 - ✓ Nhiệt độ tiệt trùng: có thể cài đặt từ 100 ÷ ≥ 136°C
- Thời gian tiệt trùng: có thể cài đặt từ 0 ÷ ≥ 9999

	phút		
14	<p>BỘ DỤNG CỤ KHÁM THAI</p> <p>A. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương <p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ống nghe Pinard (Nhôm) hoặc tương đương, 15cm: 01 cái - Thước đo khung chậu Martin hoặc tương đương, 34 cm: 01 cái - Bánh mỏ vịt Grave hoặc tương đương, 95x35 mm: 01 cái - Bánh mỏ vịt Grave hoặc tương đương, 75x20 mm: 01 cái - Bánh mỏ vịt Grave hoặc tương đương, 115x35 mm: 01 cái - Kẹp phẫu thuật Schroeder hoặc tương đương, thẳng 25cm: 01 cái - Kẹp bông phẫu thuật Foerster hoặc tương đương, có răng, thẳng 20cm: 01 cái - Van âm đạo Mathieu hoặc tương đương, 95x26mm/95x30mm: 01 cái - Hộp inox đựng dụng cụ 40 x 20 x 10 cm: 01 cái - Thước dây 2m: 01 cái - Bảng tính tuổi thai: 01 cái <p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bằng vật liệu thép không gỉ hoặc tương đương - Dụng cụ có thể hấp sấy tiệt trùng được ở ≥ 134 độ C <p>Sai số kích thước cho phép $\leq \pm 10\%$.</p>	Bộ	02
15	<p>BÀN CHĂM SÓC TRẺ SƠ SINH</p> <p>A. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương 	Cái	05

	<p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bàn thay tã: 01 cái - Đệm: 01 cái <p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: làm bằng Inox SUS 304 hoặc tương đương + Khung chính bằng Inox ống $\geq \varnothing 25.4$ mm $\pm 10\%$ + Mặt bàn thay tã bằng Inox tấm hoặc tương đương. Xung quanh có thành chắn cao ≥ 100mm. - Kích thước: (Dài x rộng x cao): (900 x 600 x 900) mm $\pm 10\%$ - Có ≥ 2 đèn sưởi ấm - Có 4 bánh xe, ≥ 2 bánh có khóa <p>Đệm mút PE hoặc tương đương, dày ≥ 5cm.</p>		
16	<p>BÀN ĐỂ DỤNG CỤ</p> <p>A. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương <p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bàn chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái. - Bánh xe: 04 cái <p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu làm bằng Inox SUS 201 hoặc tương đương - Kích thước toàn bộ (Dài x Rộng x Cao): (1060 x 420 x 760) mm $\pm 10\%$ - Bàn có ≥ 02 khay dụng cụ kết cấu vững chắc di chuyển không rung. - Các khay bằng Inox tấm liền dày ≥ 0.5 mm, được gấp cạnh và được chèn tăng cứng bằng Inox hộp xung quang. <p>Chân đế bằng Inox hộp (25x25x0.7) mm $\pm 10\%$, được lắp với bánh 04 bánh xe $\geq \varnothing 75$ mm, có 2 bánh có khóa.</p>	Cái	09
17	<p>BỘ KHÁM NGŨ QUAN</p> <p>A. Yêu cầu chung</p>	Bộ	09

	<ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương <p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu đèn khám tai: 01 cái - Đầu đèn khám mắt: 01 cái - Đầu khám mũi: 01 cái - Gọng dẫn quang cong khám thanh quản: 01 cái - Gương soi thanh quản số 3 và số 4: 02 cái - Bộ phận kẹp giữ đèn lưới: 01 cái - Bóng đèn thay thế trên đèn soi tai: 01 cái - Cán pin trung: 01 cái - Loa soi tai các cỡ (3 size, mỗi size 01 cái): 03 cái - Hộp đựng: 01 cái. <p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bằng vật liệu thép không gỉ hoặc tương đương - Dụng cụ có thể hấp sấy tiệt trùng được ở ≥ 134 độ C <p>Sai số kích thước cho phép $\leq \pm 10\%$.</p>		
18	<p>TỦ Đựng THUỐC VÀ DỤNG CỤ</p> <p>A. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương <p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tủ đựng thuốc và phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo: 01 cái <p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Toàn bộ tủ được làm bằng Inox SUS 304 hoặc tương đương - Kích thước (Cao x Rộng x sâu): (1600 x 800 x 400) mm $\pm 10\%$ - Tủ gồm 2 khoang: + Khoang trên cao 800 mm $\pm 10\%$: Có 3 sàn phẳng bằng Inox được gập liền tạo độ tăng 	Cái	03

	<p>cứng chống bập bùng, có khóa và chốt bên trong.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khoảng dưới cao 700 mm ± 10%: Có 2 sàn phẳng bằng Inox gập liền tạo độ cứng chống bập bùng, có khóa và chốt bên trong. - Toàn bộ khung tủ làm bằng Inox hộp (25 x 25) ± 10%, dày ≥ 0.5 mm. - Hai cánh trên và 2 hộc của tầng trên được lắp kính trắng dày ≥ 5 mm - Hai cánh dưới làm bằng Inox tấm dày ≥ 0.5 mm. - Hộc dưới, lưng tủ và nóc tủ làm bằng Inox tấm dày ≥ 0.5 mm. - Chân tủ có đệm cao su. 		
<p>19</p>	<p>BỘ DỤNG CỤ ĐỒ ĐẺ</p> <p>A. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương <p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kẹp phẫu thuật Pean (Rochester) hoặc tương đương, thẳng 16 cm: 01 cái - Kéo phẫu thuật Standard hoặc tương đương, 2 đầu tù, thẳng 18.5 cm: 01 cái - Kéo phẫu thuật Standard hoặc tương đương, Nhọn-tù thẳng 16.5cm: 01 cái - Kẹp phẫu thuật Kocher (Ochsner) hoặc tương đương, thẳng 16 cm: 02 cái - Kẹp phẫu thuật Kocher (Ochsner) hoặc tương đương, cong 18cm: 02 cái - Kẹp bông phẫu thuật Bozemann hoặc tương đương, cong S 26cm: 02 cái - Kẹp kim phẫu thuật Mayo-Hegar hoặc tương đương, thẳng 18cm: 01 cái - Kẹp phẫu tích Standard Slender hoặc tương đương, 1x2T 18cm: 01 cái - Kẹp phẫu tích Narrow hoặc tương đương, 18cm: 01 cái - Kéo phẫu thuật MOD.USA hoặc tương 	<p>Bộ</p>	<p>02</p>

	<p>đương, 12.5cm: 01 cái</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ống thông tiểu nữ 15 cm cỡ 12 F.G: 01 cái - Hộp inox đựng dụng cụ 30 x 12 x 6 cm: 01 cái - Bát đựng cùn \varnothing 8cm: 01 cái <p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bằng vật liệu thép không gỉ hoặc tương đương - Dụng cụ có thể hấp sấy tiệt trùng được ở ≥ 134 độ C <p>Sai số kích thước cho phép $\leq \pm 10\%$.</p>		
20	<p>BỘ HỒI SỨC TRẺ SƠ SINH</p> <p>A. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Môi trường hoạt động của thiết bị: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ môi trường hoạt động: $\geq 25^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm môi trường hoạt động: $\geq 75\%$ <p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ambu bóp bóng giúp thở sơ sinh: 01 bộ, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Bóp bóng trẻ sơ sinh silicon: 01 cái + Mask thở số 0 silicon: 01 cái + Bộ Airway số 40, 50, 60: 01 bộ + Túi chứa khí 900ml: 01 cái + Dây dẫn oxy: 01 cái + Hộp đựng bằng nhựa: 01 cái <p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bóp bóng trẻ em silicon hoặc tương đương, thể tích bóp bóng: $\geq 320\text{ml}$ - Mask thở số 0 silicon hoặc tương đương - Bộ Airway số 40, 50, 60 - Túi chứa khí $\geq 900\text{ml}$ <p>Có dây dẫn oxy</p>	Bộ	02
21	<p>GIÁ TREO DỊCH TRUYỀN</p> <p>A. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau 	Cái	19

	<ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương <p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cọc truyền dịch: 01 cái - Móc treo: 04 cái. <p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gồm có phần thân, đế và móc treo - Phần thân gồm 2 ống lồng vào nhau, ống ngoài hàn cố định với chân giá, ống trong rút lên được, điều chỉnh chiều cao bằng cơ cấu núm vặn. - Có thể điều chỉnh được độ cao và tháo rời khi cần thiết - Chiều cao điều chỉnh được từ ≤ 1200 đến ≥ 2100 mm - Đường kính chân giá rộng: ≥ 500 mm. - Có ≥ 5 chân, có bánh xe dễ dàng di chuyển. - Có ≥ 4 móc treo, các móc được hàn vuông góc đối xứng. - Vật liệu: Inox SUS 304 hoặc tương đương - Thân chia làm 2 phần: <ul style="list-style-type: none"> + Thân ngoài làm bằng Inox ống $\geq \varnothing 25,4$ mm dày $\geq 0,5$ mm. + Thân trong làm bằng Inox ống $\geq \varnothing 19$ mm dày $\geq 0,5$ mm - Chân làm bằng Inox hộp kích thước (30 x 30) mm dày $\geq 0,8$ mm <p>Móc treo làm bằng Inox ống $\geq \varnothing 4$mm.</p>		
22	<p>MÁY ĐO ĐƯỜNG HUYẾT CÁ NHÂN</p> <p>A. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Nguồn điện cung cấp: Pin - Môi trường hoạt động của thiết bị: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ môi trường hoạt động: $\geq 25^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm môi trường hoạt động: $\geq 75\%$. <p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái 	Bộ	11

	<ul style="list-style-type: none"> - Bút chích máu: 01 cái - Que thử: 10 cái - Kim: 10 cái - Pin: 02 viên - Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ <p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi đo: $\leq 20 - \geq 600$ mg/dL. - Mẫu thử ≤ 0.4 microlit, đo đường huyết mao mạch, tĩnh mạch, - Hiện kết quả sau ≤ 05 giây - Bộ nhớ ≥ 1000 kết quả - Có báo đường huyết thấp, tính giá trị TB 7, 14, 30, 90 ngày <p>Màn hình LCD hoặc tương đương.</p>		
23	<p>BÓNG BÓP CẤP CỨU NGƯỜI LỚN DÙNG NHIỀU LẦN</p> <p>A. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương <p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bóp bóng người lớn: 01 cái - Mask thở số 5 silicon: 01 cái - Bộ Airway số 80, 90, 100: 01 bộ - Dây dẫn oxy: 01 cái - Túi chứa khí: 01 cái - Hộp đựng: 01 cái - Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ <p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bóng bóp cấp cứu cho người lớn silicon hoặc tương đương, thể tích ≥ 1800 ml - Mask thở silicon hoặc tương đương, số 5 - Túi cấp khí oxy ≥ 2700ml, PVC hoặc tương đương - Bộ Airway: loại 80mm, 90mm và 100 mm <p>Hộp đựng bằng nhựa hoặc tương đương.</p>	Cái	12
24	<p>BÓNG BÓP CẤP CỨU TRẺ EM DÙNG NHIỀU LẦN</p> <p>A. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua sử 	Cái	12

	<p>dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương <p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bóp bóng trẻ em: 01 cái - Mask thở số 3 silicon: 01 cái - Bộ Airway số 60, 70, 80: 01 bộ - Dây dẫn oxy: 01 cái - Túi chứa khí: 01 cái - Hộp đựng: 01 cái - Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ <p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bóng bóp cấp cứu cho trẻ em silicon hoặc tương đương, thể tích ≥ 550 ml - Mask thở silicon hoặc tương đương, số 3 - Túi cấp khí oxy ≥ 2700ml, PVC hoặc tương đương - Bộ Airway: loại 60mm, 70mm và 80 mm <p>Hộp đựng bằng nhựa hoặc tương đương.</p>		
25	<p>ĐÈN KHÁM ĐẶT SÀN (ĐÈN GÙ)</p> <p>A. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Nguồn điện sử dụng: 220V \pm 10%, 50Hz - Môi trường hoạt động của thiết bị: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ môi trường hoạt động: $\geq 25^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm môi trường hoạt động: $\geq 75\%$. <p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đèn và phụ kiện kèm theo: 01 cái - Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ <p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công suất: ≥ 60W - Dây nguồn: 2.8m – 3m - Điều chỉnh chiều cao: từ 1m – 1.7m - Cổ định vị xoay đến gần $\geq 360^{\circ}$ <p>Đuôi đèn sử dụng nhiều loại bóng đèn.</p>	Bộ	02
26	<p>ĐÈN KHÁM TREO TRẦN (ĐÈN CLAR)</p> <p>A. Yêu cầu chung</p>	Bộ	03

	<ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. - Nguồn điện cung cấp: 220V ± 10%, 50Hz - Môi trường hoạt động của thiết bị: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ môi trường hoạt động: ≥ 25°C + Độ ẩm môi trường hoạt động: ≥ 75% <p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính và phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo: 01 cái - Bộ chuyển đổi điện adapter và dây nguồn: 01 bộ - Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ <p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cường độ sáng của đèn: ≥ 30000 lux - Cường độ sáng khi gắn thêm đèn chống sập bóng (astral): ≥ 50000 lux - Điều chỉnh kích thước điểm sáng ở khoảng cách 300mm: từ ≤ 30mm đến ≥ 70mm - Tuổi thọ của bóng đèn LED: ≥ 50000 giờ - Nhiệt độ màu: ≥ 6000 K - Pin Lithium – ion hoặc tương đương, có thể sạc lại nhiều lần loại ≥ 3.7V, dung lượng ≥ 2200 mAh - Thời gian sử dụng liên tục với pin: ≥ 4 giờ <p>Thời gian sạc đầy pin: ≤ 4 giờ.</p>		
27	<p>CÂN TRẺ SƠ SINH</p> <p>A. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001 hoặc tương đương <p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cân kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái - Hướng dẫn sử dụng: 01 quyển <p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi đo: ≤ 500 g – ≥ 20 kg - Giá trị độ chia: ≤ 50g - Đĩa nhựa PP hoặc tương đương 	Cái	12

	<ul style="list-style-type: none"> - Sai số lớn nhất cho phép: + $\leq \pm 25\text{g}$ ở mức cân 500 g đến 2.5 kg + $\leq \pm 50\text{g}$ ở mức cân 2.5 kg đến 10 kg $\leq \pm 75\text{g}$ ở mức cân 10 kg đến 20 kg. 		
28	<p>ĐÈN KHÁM BỆNH</p> <p>A. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng thiết bị: mới 100%, chưa qua sử dụng - Năm sản xuất thiết bị: 2022 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001 hoặc tương đương - Nguồn cấp: 220 VAC $\pm 10\%$, 50Hz - Môi trường hoạt động của thiết bị: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ môi trường hoạt động: $\geq 25^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm môi trường hoạt động: $\geq 75\%$ <p>B. Cấu hình yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đèn kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái - Hướng dẫn sử dụng: 01 quyển <p>C. Chỉ tiêu kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cường độ sáng (Lux): ≥ 20.000 Lux - Nhiệt độ màu 3.500 ~ 5.000 - Công suất (W): ≤ 12 W - Công suất của LED: ≥ 3 V/ 0.5 W x 19 bóng - Đường kính của trường sáng: 80 - 120mm - Bảng điều khiển hiển thị: LED đoạn hoặc tương đương - Cổ đèn có thể xoay các hướng <p>Đầu đèn có thể bẻ ≥ 90 độ.</p>	Cái	06

PHỤ LỤC 2 BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Vân Đồn

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế huyện Vân Đồn, chúng tôi... (ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ họ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh) báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày, kể từ ngày...tháng...năm...

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá trung thực.

..., ngày...tháng...năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(ký tên, đóng dấu(nếu có))